

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN E  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DSST

Ngày: 25-8-2020

*“V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

***Thành phần H đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Xuân Cường

*Các H thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Ánh Sửu

2. Ông Ksor Y Nai

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Năng Quân – Thư ký Toà án nhân dân huyện

E.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E:* Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2020 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2019/TLST-DS, ngày 17/7/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐST-DS, ngày 15/7/2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2020/QĐTS-DS, ngày 06/8/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị A – Có Mặt

Địa chỉ: Thôn 2, xã Ea T, huyện E, Đắk Lắk.

*Bị đơn:* Ông Dương Văn N và bà Vương Thị Y – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 2, xã Ea T, huyện E, Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nông Văn H trình bày:*

Vào ngày 18/02/2014 ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị A cho ông Dương Văn N và bà Vương Thị Y vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), khi vay ông N, bà Y có viết giấy và ký nhận tiền. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 3 năm, lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Trong các năm 2015, 2016, 2017 ông N và bà Y có trả lãi cho vợ cN tôi. Từ năm

2018 cho đến nay ông N và bà Y không trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho vợ cN tôi. Hiện đã quá hạn trả nợ nhưng ông N, bà Y chưa trả cho vợ cN tôi số tiền đã vay, mặc dù đã đến đòi nhiều lần, chính quyền xã đã giải quyết nhưng không thành. Nên ông H, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện E buộc ông N, bà Y trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật, thời điểm tính lãi từ ngày 19/02/2018 đến khi trả hết nợ.

Quá trình xác minh tại UBND xã Ea T thì được chính quyền địa phương cung cấp như sau: Ông Dương Văn N và bà Vương Thị Y có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã Ea T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Nhưng hiện nay ông N đã đi khỏi địa phương, đi đâu, làm gì thì chính quyền địa phương không biết. Đối với bà Y vẫn ở tại địa phương hay đi làm thuê, lâu lâu mới về nhà.

Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ ông Dương Văn N bà Vương Thị Y là bị đơn cố tình lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của ông N, bà Y về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và H đồng xét xử: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa H đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục và chức năng nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị H đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp và quá trình xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án. Căn cứ vào các **Điều 26, 35, 39 207 và 227** Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị A. Buộc ông Dương Văn N và bà Vương Thị Y phải trả cho ông N, bà A số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định:

**1. Về tố tụng:** Nguyên đơn tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận ý kiến của bà Vương Thị Y và ông Dương Văn N cũng như không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các bị đơn, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ, nơi cư trú của bị đơn trong các hợp đồng mà bị đơn ký kết. Theo biên bản xác minh tại UBND Ea T, huyện E,

tỉnh Đắk Lắk ngày 26/02/2020 xác định Dương Văn N và bà Vương Thị Y đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã Ea T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Nhưng hiện nay ông N đã đi khỏi địa phương, đi đâu, làm gì thì chính quyền địa phương không biết. Đối với bà Y vẫn ở tại địa phương và Y hay đi làm thuê, lâu lâu mới về nhà, do vậy hiện tại không biết ông N cư trú ở đâu. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định ông Dương Văn N thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong các hợp đồng đã ký kết mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

## **2. Về nội dung:**

[1]. Vào ngày 18/02/2014 ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị A cho ông Dương Văn N và bà Vương Thị Y vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), khi vay ông N, bà Y có viết giấy và ký nhận tiền, có thể hiện lãi suất theo mức lãi suất của ngân hàng. Có thỏa thuận miệng thời hạn vay là 3 năm. Trong các năm 2015, 2016, 2017 ông N và bà Y có trả lãi cho nguyên đơn, từ năm 2018 đến nay ông N và bà Y không trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho nguyên đơn. Hiện đã quá hạn trả nợ nhưng ông N, bà Y chưa trả cho vợ ông H, bà A số tiền đã vay. Nên ông H, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện E buộc ông N, bà Y trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật, thời điểm tính lãi từ ngày 19/02/2018 đến khi trả hết nợ.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông N và bà Y đều lần tránh, cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số: 36/PC09 ngày 06/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Dương Văn N dưới mục “Người nhận tiền” trong tài liệu cần giám định ký hiện A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Dương Văn N trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Vương Thị Y dưới mục “Người nhận tiền” trong tài liệu cần giám định ký hiện A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Vương Thị Y trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là không phải do cùng một người viết ra.

Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai liên quan đến số nợ trên giữa bà Vương Thị Y và ông Nông Văn H của UBND xã Ea T vào ngày 20/6/2019, thể hiện: Tại mục 2 ghi ý kiến của bà Vương Thị Y (vợ ông N thời điểm vay tiền) có ghi “Khi hộ ông Nông Văn H đến đưa tiền là có mặt của ông Dương Văn N và bà Vương Thị Y, nhưng do bà Y nói không biết ký tên nên ông N ký thay vào giấy

vay nợ. Vào ngày 30 tết năm 2017 ông bà Nông Văn H đến đòi tiền cũng có mặt tôi”.

Từ tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ pháp lý xác định vào ngày 18/12/2014 ông N bà Y vay của ông H, bà A số tiền 50.000.000 đồng, có viết giấy vay, thời hạn vay theo nguyên đơn trình bày là thỏa thuận miệng 3 năm. Như vậy, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005.

Đến thời hạn trả nợ, mặc dù nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông N, bà Y lẩn tránh, không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như điều khoản đã ký kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Vương Thị Y và ông Dương Văn N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 50.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Về lãi suất: Quá trình thực hiện hợp đồng, theo lời khai của nguyên đơn thì hai bên thỏa thuận lãi suất theo lãi suất cơ bản Ngân hàng nhà nước quy định, thời hạn vay là 3 năm và nguyên đơn cũng thừa nhận ông N, bà Y đã trả được 3 năm tiền lãi. Nay ông H và A yêu cầu ông N, bà Y liên đới trả lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng, thời hạn tính từ 19/02/2018.

***Tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định về lãi suất như sau:***

- 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.*
- 2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.*

Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm

[3]. Do vậy, cần buộc ông N, bà Y liên đới trả lãi suất chậm trả đối với số tiền 50.000.000 đồng kể từ ngày 19/02/2018 đến ngày xét xử 25/8/2020 là 30 tháng 06 ngày, lãi suất được tính như sau:

$$50.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng} 06 \text{ ngày} = 11.325.000 \text{ đồng}$$

Cần buộc bà Vương Thị Y và ông Dương Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị A tổng cộng cả nợ gốc và lãi suất là: 50.000.000 đồng + 11.325.000 đồng = 61.325.000 đồng.

[4]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận nên bà Vương Thị Y và ông Dương Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị A số tiền giám định chữ ký, chữ viết là 4.320.000 đồng.

[5]. Về án phí: Bà Vương Thị Y và ông Dương Văn N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Áp dụng khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 26; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 161 và khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc H.

Áp dụng các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị A.

Buộc bà Vương Thị Y và ông Dương Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị A tổng cộng cả nợ gốc và lãi suất là: 61.325.000 đồng (*Sáu mươi một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

*Áp dụng khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự 2005 để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

[3]. Về án phí: Bà Vương Thị Y và ông Dương Văn N có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 3.066.000 đồng án phí DSST.

Về chi phí tố tụng: Bà Vương Thị Y và ông Dương Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị A số tiền giám định 4.320.000 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Xuân Cường**